

Số: 152/2026/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 207/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Thảo Văn D, sinh ngày 21/8/1997; Căn cước công dân: 004097000806; Nơi cư trú: xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Chị Sùng Thị M, sinh ngày 01/7/1995; Căn cước công dân: 004195001132; Nơi cư trú: xóm N, xã B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thảo Văn D và chị Sùng Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thảo Văn D và chị Sùng Thị M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Thảo Văn D và chị Sùng Thị M có 03 con chung là: Thảo Thu K, sinh ngày 23/9/2014; Thảo Thị Tuyết H, sinh ngày 22/11/2016; Thảo Duy P, sinh ngày 08/11/2018.

Khi ly hôn, anh D và chị M tự nguyện thỏa thuận giao các cháu Thảo Thu K, sinh ngày 23/9/2014; Thảo Thị Tuyết H, sinh ngày 22/11/2016; Thảo Duy P, sinh

ngày 08/11/2018 cho chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K, cháu H, cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D có nghĩa vụ cấp sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 500.000đồng/tháng/con cho đến khi cháu K, cháu H, cháu P đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2026.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6, Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Thào Văn D và chị Sùng Thị M mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, anh D tự nguyện nộp thay án phí cho chị M số tiền 75.000 đồng. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Tổng số tiền anh D phải nộp là 300.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước

Xác nhận anh D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000162, ngày 17/8/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng. Đương sự đã nộp án phí xong

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Cao Bằng;
- UBND xã BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim

